

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PHÚC HÀ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PHÚC HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC HA INVESTMENT AND DEVELOPMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUC HA GROUP .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108625649

3. Ngày thành lập: 28/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngách 9, ngõ 643 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
2.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm; - Bán lẻ đá, vôi, cát, sỏi; - Bán lẻ vật liệu xây dựng khác.	4752
3.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
5.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
6.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
7.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4789
8.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
14.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
15.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình thủy	4291
23.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
26.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
27.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán).	7020
28.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá tài sản); - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
31.	Bán buôn thực phẩm	4632
32.	Bán buôn đồ uống	4633
33.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
34.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
36.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
37.	Đào tạo sơ cấp	8531
38.	Đào tạo trung cấp	8532
39.	Đào tạo cao đẳng	8533
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Giáo dục dự bị; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo công nghệ thông tin; - Đào tạo trong lĩnh vực điện tử, viễn thông.	8559
43.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
44.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
45.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
46.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
47.	Khai thác và thu gom than non	0520
48.	Khai thác dầu thô	0610
49.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
50.	Khai thác quặng sắt	0710
51.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
52.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
55.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
56.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
57.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
58.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
59.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
60.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
61.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
62.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
63.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)

69.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;	7110
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
72.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết : Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
73.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
75.	Giáo dục nhà trẻ	8511
76.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
77.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
78.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
79.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
80.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử.	0990
82.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
83.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
84.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
85.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

86.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
87.	Phá dỡ	4311
88.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
89.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
90.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
91.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
92.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
93.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ những loại nhà nước cấm)	4620
94.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
95.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
96.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

97.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
98.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
99.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng, vôi công nghiệp; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni ; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sử vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
100.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,... - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su;	4669
101.	Bán buôn tổng hợp	4690
102.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
103.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
104.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
105.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
106.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

107.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
108.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
109.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : - Bán lẻ dầu hoả, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình.	4773
110.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
111.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
112.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
113.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
114.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
115.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
116.	Xây dựng nhà để ở	4101
117.	Xây dựng nhà không để ở	4102
118.	Xây dựng công trình điện	4221
119.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: - Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; - Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; - Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.	4661
120.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
121.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
122.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
123.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
124.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
125.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
126.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

127.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
129.	Giáo dục mẫu giáo	8512
130.	Giáo dục tiểu học	8521
131.	Giáo dục trung học cơ sở	8522

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HỒNG SON	Phố 2, Thị Trấn Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.600.000	16.000.000.000	80,000	174081399	
			Tổng số	1.600.000	16.000.000.000	80,000		
2	NGUYỄN VĂN LONG	Làng Khánh Thượng, Xã Cao Thịnh, Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	173717275	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
3	ĐỖ NGỌC QUYẾT	Phố 4, Thị Trấn Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	038094009566	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HỒNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/05/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 174081399

Ngày cấp: 29/06/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hoá

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phố 2, Thị trấn Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phố 2, Thị trấn Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội